

**BỘ XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Số: 47/BC-VISHIPEL

V/v báo cáo công tác an toàn, vệ sinh
lao động cả năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ Hải Phòng

Thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH (Khoản 2, Điều 10) ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam báo cáo an toàn, vệ sinh lao động cả năm 2025 (từ 1/1/2025 đến hết 31/12/2025) như phụ lục đính kèm./.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Điều hành Công ty (để b/c);
- Lưu: HCTH, TCLĐ(hat).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Anh Sơn

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Năm 2025

(Kèm theo Công văn số 47 /BC-VISHIPEL ngày 07 tháng 01 năm 2026)

Đơn vị báo cáo: Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam
Ngành nghề sản xuất kinh doanh: Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào
đâu

Chi tiết: Quản lý, khai thác Hệ thống Đài Thông tin Duyên hải Việt Nam;
Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công Thông tin Duyên hải, thông tin tìm kiếm cứu nạn
hàng hải, các thông tin liên quan đến an toàn phương tiện hoạt động trên biển và bảo
vệ an ninh quốc gia thuộc chủ quyền vùng biển Việt Nam; Dịch vụ tuyên truyền,
quảng bá, truyền thông trong lĩnh vực hàng hải.

Loại hình: Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước.

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý: Bộ Xây dựng.

Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Thượng Hiền, P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: +84 (0225) 374 6464

TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	ĐVT	Số liệu
A	Báo cáo chung		
1	Lao động		
	1.1. Tổng số lao động	Người	620
	- Trong đó:	Người	119
	+ Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động		
	+ Người làm công tác y tế	Người	1
	+ Lao động nữ	Người	265
	+ Lao động làm việc trong Điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	494
	+ Lao động là người chưa thành niên	Người	0
	+ Người dưới 15 tuổi	Người	0
	+ Người khuyết tật	Người	0
	+ Lao động là người cao tuổi	Người	3
2	Tai nạn lao động		
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0

	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
3	Bệnh nghề nghiệp		
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời Điểm báo cáo	Người	0
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các Khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
4	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	47
	+ Loại II	Người	308
	+ Loại III	Người	113
	+ Loại IV	Người	25
	+ Loại V	Người	1
5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		
	a) Tổng số người nhóm 1 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 1 hiện có	Người/ người	44/44
	b) Tổng số người nhóm 2 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 2 hiện có	Người/ người	35/35
	c) Tổng số người nhóm 3 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 3 hiện có	Người/ người	144/144
	Trong đó:	Người	0
	- Tự huấn luyện		
	- Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện	Người	125

	d) Tổng số người nhóm 4 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 4 hiện có	Người/ người	346/346
	đ) Tổng số người nhóm 5 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 5 hiện có	Người/ người	1/1
	e) Tổng số người nhóm 6 được huấn luyện/tổng số người nhóm 6 hiện có	Người/ người	117/117
	g) Tổng chi phí huấn luyện	Triệu đồng	125,250
6	Tình hình quan trắc môi trường lao động		
	- Số mẫu quan trắc môi trường lao động	Mẫu	1938
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu	190
7	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động		
	- Tổng số	Cái	0
8	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Tổng số người làm thêm trong năm	Người	35
	- Tổng số giờ làm thêm trong năm	Giờ	832,0
	- Số giờ làm thêm cao nhất trong 01 tháng	Giờ	40
9	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số người	Người	507
	- Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10)	Triệu đồng	2.810,959
10	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động		
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Triệu đồng	0
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	Triệu đồng	0
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	Triệu đồng	0
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động	Triệu đồng	2.936,209
	- Tuyên truyền, huấn luyện	Triệu đồng	125,250
	- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Triệu đồng	0
	- Chi khác	Triệu đồng	0
11	Tổ chức cung cấp dịch vụ:	Tên tổ chức	Không thuê
	a) Dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động được thuê theo quy		

	định tại Khoản 5 Điều 72 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)		
	b) Dịch vụ về y tế được thuê theo quy định tại Khoản 5 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức	Không thuê
12	Thời Điểm tổ chức tiến hành đánh giá định kỳ nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Tháng, năm	Hàng tháng
13	Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	Có/Không	Không

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Sơn